

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo Tài chính

cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

đính kèm Báo cáo kiểm toán

S. D. V.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán	5 – 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính.	13 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp là Công ty được Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 16 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103004178 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2004. Và thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4 ngày 25 tháng 9 năm 2007

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 158, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn;
- Tư vấn đầu tư;
- Khảo sát, thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng;
- Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp.

Vốn điều lệ của công ty là: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng Việt Nam)

Phạm vi Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập gồm văn phòng và các đơn vị thành viên, tuy nhiên báo cáo chưa bao gồm số liệu của Trường Bồ túc văn hoá và dạy nghề. Trường là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Công ty nhưng thực hiện sự quản lý theo ngành dọc của Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội. Trường không được công ty trang bị tài sản và tiền vốn mà Trường phải tự cân đối thu chi.

Kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 29.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông Đỗ Phương Thịnh

Chủ tịch

Ông Đàm Xuân Vũ

Ủy viên

Ông Trần Văn Khiên	Ủy viên
Ông Trương Quang Dũng	Ủy viên
Ông Trần Gia Hưng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Cường	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Hà	Ủy viên
Ông Tô Ngọc Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm:

Ông Đỗ Phương Thịnh	Giám đốc
Ông Đàm Xuân Vũ	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thắng	Phó giám đốc
Ông Trương Quang Dũng	Phó giám đốc

Các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các sự kiện có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ

Trong năm, Công ty được nhà thầu liên danh của Trung Quốc bồi thường chi phí tổn thất cho Công ty trong việc đấu thầu dự án DAP Hải Phòng số tiền 3,2 tỷ đã tạo nên khoản thu nhập bất thường cho Công ty.

Công ty hiện đang áp dụng chính sách khấu hao nhanh hơn hai lần mức khấu hao tối đa (mức trích nhiều nhất) theo quy định của Bộ Tài chính đối với các TSCĐ của Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
Địa chỉ: Số 158, Phố Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2008
Thay mặt Hội đồng quản trị

Đỗ Phương Thịnh

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2008
TM. Ban Giám Đốc
Giám đốc



Đỗ Phương Thịnh



Số : 130/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

Kính gửi: Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được trình bày từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận, nếu có), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề có ảnh hưởng tới ý kiến của kiểm toán viên

Việc xác định giá vốn của công trình dựa vào doanh thu được ghi nhận và tỷ lệ giao khoán cho từng công trình. Riêng công trình Nhà máy điện Cao Ngạn doanh thu được ghi nhận theo 90% giá trị quyết toán A-B theo ý kiến của Chủ đầu tư.

Bằng các thủ tục kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về sự phù hợp của số lượng và giá trị các loại vật tư trong các công trình hoàn thành bàn giao trong năm của Công

ty. Công việc này cần được thực hiện bằng thủ tục kiểm toán đặc biệt áp dụng cho các công trình hoàn thành bàn giao (Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư).

Tiền bê tông của Trạm trộn Thái Nguyên công ty xuất cho các đơn vị nội bộ thi công công trình Dự án Xi măng Thái Nguyên chưa được nghiệm thu A-B, chưa có đối chiếu xác nhận công nợ do chưa thống nhất được về giá. Theo như quy định của công ty giá mua bán bê tông trong nội bộ Công ty là 85% giá bê tông được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán. Đây là doanh thu nội bộ không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Khoản thuế GTGT phải nộp của Văn phòng Công ty lệch so với quyết toán thuế năm 2006 là 300.990.834 đồng. Số thuế khác phải nộp của Xí nghiệp xây dựng số 9 còn đang phản ánh là 109.057.860 đồng với nội dung là tiền nợ thuế tại các tỉnh nhưng hiện tại chưa có chi tiết theo nội dung cụ thể.

Xí nghiệp xây dựng số 9 hiện đang phản ánh trong Báo cáo tài chính giá trị phải trả khác nhưng không có đối tượng cụ thể số tiền là 686.240.988 đồng.

Như đã trình bày tại mục Phạm vi Báo cáo tài chính trong Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập gồm văn phòng và các đơn vị thành viên, tuy nhiên báo cáo chưa bao gồm số liệu của Trường Bồ túc văn hoá và dạy nghề của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu trên và những ảnh hưởng của nguyên tắc kế toán đã được trình bày tại mục 2.5 tại Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2008

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASNAF VIỆT NAM
Phó Tổng giám đốc



Tạ Huy Đăng
Chứng chỉ KTV số: 0566/KTV

Kiểm toán viên

Lê Phương Anh
Chứng chỉ KTV số: 0739/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		423.122.715.426	244.729.223.174
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		59.216.008.557	18.558.448.605
1. Tiền	111	V.01	59.216.008.557	18.558.448.605
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		230.127.497.328	162.808.100.868
1. Phải thu của khách hàng	131		107.089.645.525	96.731.942.381
2. Trả trước cho người bán	132		7.703.150.285	3.756.300.870
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	119.254.950.015	62.669.941.718
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(3.920.248.497)	(350.084.101)
IV. Hàng tồn kho	140		133.180.453.164	61.992.250.063
1. Hàng tồn kho	141	V.04	133.180.453.164	61.992.250.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		598.756.378	1.370.423.638
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		241.251.144	479.427.301
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(0)	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	1.000.000	1.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		356.505.234	889.996.337
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.109.282.012	44.207.897.548
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
II. Tài sản cố định	220		11.782.746.844	14.311.155.063
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11.653.875.844	13.919.578.787
- Nguyên giá	222		25.375.511.885	19.674.181.258
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(13.721.636.041)	(5.754.602.471)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	128.871.000	128.871.000
- Nguyên giá	228		128.871.000	128.871.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		262.705.276
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.326.535.168	29.896.742.485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.085.788.393	29.896.742.485
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		240.746.775	
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		438.231.997.438	288.937.120.722

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		415.969.801.232	274.136.906.212
I. Nợ ngắn hạn	310		410.773.143.467	271.432.416.768
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	48.125.840.825	47.850.621.097
2. Phải trả người bán	312		189.529.169.283	152.165.107.596
3. Người mua trả tiền trước	313		142.962.146.565	54.606.136.781
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	15.759.115.789	9.273.562.208
5. Phải trả công nhân viên	315		1.387.508.625	903.785.500
6. Chi phí phải trả	316	V.17	187.475.721	144.261.273
7. Phải trả nội bộ	317		(0)	
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HỖXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	12.821.886.660	6.488.942.313
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		5.196.657.765	2.704.489.444
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2.077.276.635	2.551.661.029
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		345.613.761	152.828.415
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		2.773.767.369	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.262.196.206	14.800.214.510
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	22.026.139.058	14.769.187.612
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.386.000	7.056.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(844.000.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			500.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.828.753.058	2.262.131.612
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		236.057.148	31.026.898
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		236.057.148	31.026.898
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		438.231.997.438	288.937.120.722

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		17.527.060	17.527.060
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)			
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2008

Người lập biểu



Ngô Tuyết Minh

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương

Giám đốc



Đỗ Phương Thinh

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00	VI.25	376.415.290.634	310.140.730.898
2. Các khoản giảm trừ	02		1.382.476.685	1.258.484.972
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		375.032.813.949	308.882.245.926
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	349.803.810.983	292.366.100.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.229.002.966	16.516.145.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	3.417.472.017	2.384.422.942
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5.814.535.000	5.832.060.359
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.920.805.106	3.851.464.352
8. Chi phí bán hàng	24		2.965.131.005	120.136.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.415.335.701	11.236.230.021
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.451.473.277	1.712.142.073
11. Thu nhập khác	31		4.537.050.755	1.921.562.073
12. Chi phí khác	32		3.004.728.753	388.156.803
13. Lợi nhuận khác	40		1.532.322.002	1.533.405.270
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.983.795.279	3.245.547.343
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	846.134.583	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(240.746.775)	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.378.407.471	3.245.547.343
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (mệnh giá 100.000)	70		24.104	27.046

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2008

Người lập biểu

Ngô Tuyết Minh

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương

Giám đốc



Đỗ Phương Thịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	296.902.496.529	324.659.915.730
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(198.520.851.980)	(112.019.976.983)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.558.952.386)	(6.108.409.174)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.274.457.053)	(4.350.443.019)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	107.639.101.442	78.136.929.989
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(151.250.965.589)	(194.795.674.772)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.936.370.963	85.522.341.771
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.355.256.809)	(328.037.833)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	60.000.000	13.706.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	447.516.737	50.069.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.847.740.072)	(264.262.033)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	6.738.330.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(1.020.000.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	135.865.273.082	7.370.900.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(138.167.309.621)	(89.323.410.308)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(20.370.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(847.364.400)	(972.668.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.568.929.061	(82.945.548.859)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	40.657.559.952	2.312.530.879
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.558.448.605	16.245.917.726
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	59.216.008.557	18.558.448.605

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2008

Người lập biểu



Ngô Tuyết Minh

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương

Giám đốc



Đỗ Phương Thịnh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp là Công ty được Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 16 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103004178 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2004. Và thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4 ngày 25 tháng 9 năm 2007

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 158, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn;
- Tư vấn đầu tư;
- Khảo sát, thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng;
- Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp.

Vốn điều lệ của công ty là: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng Việt Nam)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán : **Nhật ký chung**

2.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2.4 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Đối với Tài sản cố định hữu hình nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty ghi nhận nguyên giá theo giá trị còn lại theo biên bản bàn giao tài sản khi chuyển giao cho công ty cổ phần và đã được kiểm toán BCTC năm 2004.

Đối với tài sản cố định mua sắm mới hoặc mới đầu tư: Nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Một số TSCĐ được Công ty áp dụng việc khấu hao nhanh. Thời gian khấu hao được xác định như sau:

- Đối với TSCĐ nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước: Thời gian khấu hao được xác định bằng 1/2 (nhanh gấp 2 lần) thời gian khấu hao còn lại của TSCĐ khi nhận bàn giao.
- Đối với TSCĐ mua mới hoặc mới đầu tư: Thời gian khấu hao được xác định bằng 1/2 (nhanh gấp 2 lần) thời gian khấu hao tối thiểu theo quy định của Bộ Tài chính.
- Những TSCĐ có thời gian khấu hao ít hơn 2 lần theo thời gian khấu hao tối thiểu của Bộ Tài chính sẽ được tính thuế thu nhập hoãn lại trong năm.
- Một số tài sản của Trạm trộn Thái nguyên, công ty thực hiện khấu hao theo sản phẩm căn cứ vào công suất thiết kế và thời gian theo quy định của Bộ Tài chính

2.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

2.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.8 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng sáng lập phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

2.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Cụ thể:

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận trên cơ sở quyết toán A-B đã được ký nhận không phân biệt đã phát hành hoá đơn hay chưa phát hành hoá đơn.

Doanh thu bán nhà chung cư được ghi nhận khi Công ty ký nhận Biên bản bàn giao nhà cho người mua và phát hành hoá đơn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Năm 2007 theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp công ty đang được miễn giảm 50% số thuế phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

50
Y
HẠN
N
HÀ

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

V.01 TIỀN			
1.1 Tiền mặt tại quỹ		31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Văn phòng công ty		259.608.613	594.413.213
CN Hồ Chí Minh		35.073.495	79.875.708
Xí nghiệp xây dựng số 9		1.077.279.338	332.839.008
Xí nghiệp xây dựng số 1		36.127.281	503.422
Xí nghiệp xây dựng số 3		4.929.869	44.964.515
Xí nghiệp xây dựng số 4		21.739.342	35.365.425
Xí nghiệp xây dựng số 5		6.179.715	132.897.517
Xí nghiệp xây dựng số 7		83.709.603	23.587.577
Xí nghiệp xây dựng 18		40.310.212	32.377.970
Xí nghiệp xây lắp 24		356.335.245	769.709.388
Trung tâm Tư vấn thiết kế		3.033.141	113.317.230
Cộng		1.924.325.854	2.159.850.973
1.2 Tiền gửi ngân hàng		31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Văn phòng công ty		20.724.386.951	5.054.239.235
CN Hồ Chí Minh		1.725.876.110	236.928.224
Xí nghiệp xây dựng số 9		1.780.305.712	1.139.324.947
Xí nghiệp xây dựng số 1		14.594.721.255	3.409.366.777
Xí nghiệp xây dựng số 3		1.162.758.995	2.191.171.987
Xí nghiệp xây dựng số 4		25.551.673	474.464.027
Xí nghiệp xây dựng số 5		1.297.831.559	737.541.058
Xí nghiệp xây dựng số 7		14.673.608	211.910.815
Xí nghiệp xây dựng 18		6.549.532.710	142.363.477
Xí nghiệp xây lắp 24		9.192.469.628	2.796.322.556
Trung tâm Tư vấn thiết kế		214.347.374	4.964.529
Cộng		57.282.455.575	16.398.597.632
1.3 Tiền đang chuyển		31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Xí nghiệp xây dựng số 9		9.227.128	
Cộng		9.227.128	0
Tổng cộng		<u>59.216.008.557</u>	<u>18.558.448.605</u>



V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

V.02	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		
	Đầu tư ngắn hạn khác		
	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		
	Cộng	-	-
V.03	Phải thu khác	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
	<i>Chi tiết theo đơn vị</i>		
	Văn phòng công ty	52.225.612.220	12.745.631.322
	CN Hồ Chí Minh	-	200.000
	Xí nghiệp xây dựng số 9	19.903.876.043	12.112.638.749
	Xí nghiệp xây dựng số 1	3.333.974.204	3.459.462.595
	Xí nghiệp xây dựng số 3	6.541.708.930	4.842.622.959
	Xí nghiệp xây dựng số 4	12.602.157.167	5.265.374.816
	Xí nghiệp xây dựng số 5	586.748.860	5.056.123.867
	Xí nghiệp xây dựng số 7	4.801.843.373	1.588.578.611
	Xí nghiệp xây dựng 18	9.180.322.925	4.666.227.196
	Xí nghiệp xây lắp 24	9.380.696.848	12.890.081.603
	Trung tâm Tư vấn thiết kế	698.009.445	43.000.000
	Cộng	119.254.950.015	62.669.941.718
	<i>Chi tiết theo nội dung</i>		
	- Phải thu khác	119.223.813.458	62.107.627.918
	- Phải thu về cổ phần hóa	30.730.000	555.370.000
	- Dự Nợ phải trả khác - Kinh phí CD, BH	406.557	6.943.800
	Cộng	119.254.950.015	62.669.941.718
V.04	Hàng tồn kho		
	<i>4.1 Nguyên vật liệu</i>	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
	Văn phòng công ty	-	809.345.469
	Xí nghiệp xây dựng 18	15.000.000	15.000.000
	Cộng	208.644.860	824.345.469
	<i>4.2 Công cụ dụng cụ</i>	31/12/2007	01/01/2007

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	VND	VND
Văn phòng công ty	345.084.320	9.411.500
Xí nghiệp xây dựng số 7	-	12.316.310
Xí nghiệp xây lắp 24	44.000	54.000
Cộng	345.128.320	21.781.810
4.3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Văn phòng công ty	63.411.400.947	10.861.619.758
CN Hồ Chí Minh	5.833.406.094	438.789.995
Xí nghiệp xây dựng số 9	5.490.435.992	8.731.085.763
Xí nghiệp xây dựng số 1	8.283.615.646	2.558.517.513
Xí nghiệp xây dựng số 3	656.456.243	713.839.452
Xí nghiệp xây dựng số 4	6.239.680.085	2.168.316.656
Xí nghiệp xây dựng số 5	4.055.672.650	12.126.058.238
Xí nghiệp xây dựng số 7	4.205.488.579	959.726.350
Xí nghiệp xây dựng 18	10.532.123.457	5.607.649.913
Xí nghiệp xây lắp 24	22.260.568.708	14.608.352.553
Trung tâm Tư vấn thiết kế	55.104.147	-
Cộng	131.023.952.548	58.773.956.191
4.4 Hàng hóa	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Xí nghiệp xây dựng số 9	1.602.727.436	2.372.166.593
Cộng	1.602.727.436	2.372.166.593
Tổng cộng hàng tồn kho	<u>133.180.453.164</u>	<u>61.992.250.063</u>
V.05 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
5.1 Chi tiết theo đơn vị		
Xí nghiệp xây lắp 24	-	1.000.000
Trung tâm Tư vấn thiết kế	1.000.000	-
Cộng	1.000.000	1.000.000
5.2 Chi tiết theo nội dung		
- Thuế GTGT hàng bán nộp thừa	-	-
- Thuế khác	1.000.000	1.000.000
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
V.08 Tài sản cố định		
(Phụ lục số 01)		

(Phụ lục số 01)

V.08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH, VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	TSCĐ vô hình (*)	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	5.773.674.630	9.691.355.630	3.229.713.645	979.437.353	128.871.000	19.674.181.258
Số tăng trong kỳ	-	2.019.698.065	4.168.585.917	102.576.614	-	6.290.860.596
- Mua trong năm		2.019.698.065	3.856.443.988	102.576.614		5.978.718.667
- Tặng khác			312.141.929			312.141.929
Số giảm trong kỳ	-	35.062.150	452.823.649	101.644.170	-	589.529.969
- Thanh lý, nhượng bán		26.104.900	140.681.720	101.644.170		268.430.790
- Giảm khác		8.957.250	312.141.929			321.099.179
Số dư cuối kỳ	5.773.674.630	11.675.991.545	6.945.475.913	980.369.797	128.871.000	25.504.382.885
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.343.897.554	2.199.796.421	1.543.526.429	667.382.067	-	5.754.602.471
Số tăng trong kỳ	1.016.853.893	5.542.198.969	1.728.137.895	274.822.763	-	8.562.013.520
- Khấu hao trong kỳ	1.016.853.893	5.542.198.969	1.728.137.895	274.822.763		8.562.013.520
Số giảm trong kỳ	-	40.512.131	452.823.649	101.644.170	-	594.979.950
- Thanh lý, nhượng bán		26.104.900	140.681.720	101.644.170		268.430.790
- Giảm khác		14.407.231	312.141.929			326.549.160
Số dư cuối kỳ	2.360.751.447	7.701.483.259	2.818.840.675	840.560.660	-	13.721.636.041
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	4.429.777.076	7.491.559.209	1.686.187.216	312.055.286	128.871.000	14.048.449.787
Tại ngày cuối kỳ	3.412.923.183	3.974.508.286	4.126.635.238	139.809.137	128.871.000	11.782.746.844

Ghi chú: * TSCĐ vô hình của đơn vị là quyền sử dụng đất.

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

V.14	Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
	Văn phòng công ty	381.948.751	28.495.058.762
	CN Hồ Chí Minh	-	13.797.848
	Xí nghiệp xây dựng số 3	129.410.388	209.677.190
	Xí nghiệp xây dựng số 4	1.071.194.982	771.911.090
	Xí nghiệp xây dựng số 7	24.341.418	-
	Xí nghiệp xây dựng 18	1.214.828.803	-
	Xí nghiệp xây lắp 24	264.064.051	222.980.193
	Trung tâm Tư vấn thiết kế	-	183.317.402
	Cộng	3.085.788.393	29.896.742.485
V.15	Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
	<i>Vay ngắn hạn</i>		
	Văn phòng công ty	12.723.750.921	9.232.441.974
	Xí nghiệp xây dựng số 9	770.696.955	333.051.532
	Xí nghiệp xây dựng số 1	7.497.060.400	6.820.225.000
	Xí nghiệp xây dựng số 3	5.647.732.000	6.263.279.824
	Xí nghiệp xây dựng số 4	7.969.149.000	4.955.839.000
	Xí nghiệp xây dựng số 5	5.109.598.000	5.909.885.000
	Xí nghiệp xây dựng 18	2.437.000.000	3.637.000.000
	Xí nghiệp xây lắp 24	5.970.853.549	8.906.898.767
	Cộng	48.125.840.825	46.058.621.097
	Nợ dài hạn đến hạn trả	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
	Văn phòng công ty	-	1.792.000.000
	Cộng	-	1.792.000.000
	Cộng vay và nợ ngắn hạn	48.125.840.825	47.850.621.097
V.16	Các khoản phải nộp Ngân sách	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
	Chi tiết theo đơn vị		
	Văn phòng công ty	708.255.038	1.426.213.114
	CN Hồ Chí Minh	1.487.635.340	765.060.022
	Xí nghiệp xây dựng số 9	3.470.679.433	1.637.486.302

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Xí nghiệp xây dựng số 1	1.555.529.679	1.671.597.664
Xí nghiệp xây dựng số 3	567.873.186	563.004.349
Xí nghiệp xây dựng số 4	1.391.315.423	277.184.336
Xí nghiệp xây dựng số 5	1.587.803.375	117.220.262
Xí nghiệp xây dựng số 7	2.053.434.897	1.103.642.210
Xí nghiệp xây dựng 18	1.214.685.628	1.269.952.205
Xí nghiệp xây lắp 24	1.617.111.777	429.354.221
Trung tâm Tư vấn thiết kế	104.792.013	12.847.523
Cộng	15.759.115.789	9.273.562.208
Chi tiết theo nội dung		
Thuế GTGT phải nộp	15.057.694.140	9.117.212.424
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.735.121	11.323.429
Thuế thu nhập doanh nghiệp	568.409.332	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.219.336	15.248.095
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	20.720.400
Thuế khác	68.254.550	68.254.550
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (dư có)	40.803.310	40.803.310
Cộng	15.759.115.789	9.273.562.208

Tại thời điểm kiểm toán Công ty và các đơn vị thành viên chưa được Quyết toán thuế năm 2007. Báo cáo tài chính của Công ty và các đơn vị thành viên sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo số liệu được cơ quan thuế quyết toán tại đơn vị.

V.17 Chi phí phải trả	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Văn phòng công ty	92.475.232	86.599.265
Xí nghiệp xây dựng số 1	13.644.650	18.768.600
Xí nghiệp xây dựng số 3	14.971.214	5.998.610
Xí nghiệp xây dựng số 4	14.822.600	9.095.743
Xí nghiệp xây dựng số 5	9.401.660	1.328.702
Xí nghiệp xây dựng 18	4.462.820	6.630.748
Xí nghiệp xây lắp 24	37.697.545	15.839.605
Cộng	187.475.721	144.261.273
V.18 Phải trả phải nộp khác	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Chi tiết theo đơn vị		
Văn phòng công ty	1.206.051.384	1.299.493.026
CN Hồ Chí Minh	1.148.261.426	895.546.194
Xí nghiệp xây dựng số 9	686.712.374	324.772.239

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Xí nghiệp xây dựng số 1	7.142.857	-
Xí nghiệp xây dựng số 3	8.941.455	-
Xí nghiệp xây dựng số 4	-	1.451.782
Xí nghiệp xây dựng số 5	74.959.859	367.187.498
Xí nghiệp xây dựng số 7	669.500	10.000.000
Xí nghiệp xây dựng 18	2.298.248.588	53.427.341
Xí nghiệp xây lắp 24	7.385.110.177	3.532.864.233
Trung tâm Tư vấn thiết kế	5.789.040	4.200.000
Cộng	12.821.886.660	6.488.942.313
<i>Chi tiết theo nội dung</i>		
- Bảo hiểm xã hội	(162.435.033)	51.618
- Bảo hiểm y tế	471.386	345.441
- Kinh phí công đoàn	134.971.678	579.341.362
- Phải trả về cổ phần hoá	577.295.575	64.119.319
- Các khoản phải trả phải nộp khác	12.271.583.054	5.845.084.573
Cộng	12.821.886.660	6.488.942.313
V.20 Vay và nợ dài hạn	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
20.1 <i>Vay dài hạn</i>		
Văn phòng công ty		2.517.256.267
Cộng	-	2.517.256.267
20.2 <i>Nợ dài hạn:</i> Là GTCL của TSCĐ của các Xí nghiệp và đội xây dựng.		
Văn phòng công ty	59.756.546	34.404.762
Xí nghiệp xây dựng số 1	307.351.191	-
Xí nghiệp xây dựng số 4	7.098.411	-
Xí nghiệp xây dựng 18	1.703.070.487	-
Cộng	2.077.276.635	34.404.762
Cộng vay và nợ dài hạn	2.077.276.635	2.551.661.029

V.22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
(Phụ lục số 02)

(Phụ lục số 02)

V. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (*)	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	7.056.000					2.108.313.541	14.115.369.541
Tăng vốn trong năm								-
Lãi trong năm trước					500.000.000	300.000.000	2.673.731.613	2.673.731.613
Tăng khác								800.000.000
Giảm vốn trong năm						300.000.000		-
Giảm khác								2.819.913.542
Lỗ trong năm trước								-
Số dư cuối năm trước	12.000.000.000	7.056.000	-	-	500.000.000	-	2.262.131.612	14.769.187.612
Tăng vốn trong kỳ	8.000.000.000	54.330.000						8.054.330.000
Lãi trong kỳ								3.378.407.471
Tăng khác			(1.124.000.000)	35.000.000	300.000.000	200.000.000		(589.000.000)
Giảm trong kỳ								-
Lỗ trong kỳ								-
Giảm khác		20.000.000	280.000.000	35.000.000	800.000.000	200.000.000	2.811.786.025	4.146.786.025
Số dư cuối năm	20.000.000.000	41.386.000	(844.000.000)	-	-	-	2.828.753.058	22.026.139.058

(*) Giảm lợi nhuận trong năm

a Phân phối lợi nhuận năm 2006:

Thương Ban điều hành

Trích quỹ ĐTPT

Trích quỹ Dự phòng tài chính

Trích quỹ KTPL

Chia cổ tức

b Tạm chia cổ tức 6 tháng đầu năm 2007

c Tạm trích quỹ KTPL năm 2007 tại các đơn vị

2.811.786.025 gồm:

35.000.000

300.000.000

200.000.000

458.731.612

1.268.400.000

435.764.400

113.890.013

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

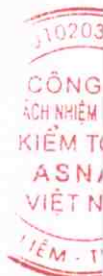
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp của Pháp nhân	7.200.000.000	6.120.000.000
- Vốn góp của các cá nhân	12.800.000.000	5.880.000.000
Cộng	20.000.000.000	12.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	12.000.000.000	12.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm (*)	8.000.000.000	
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	12.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	1.680.000.000	903.109.000
d) Cổ phiếu	31/12/2007 VND	01/01/2007 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	128.000	58.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	119.560	58.800
- Cổ phiếu phổ thông	119.560	10.307
- Cổ phiếu ưu đãi	-	48.493
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	119.560	
- Cổ phiếu ưu đãi	-	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	100.000	100.000

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả HĐKD

V.25 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng		
<i>Văn phòng công ty</i>	139.032.140.048	100.482.526.386
<i>CN Hồ Chí Minh</i>	17.462.932.443	14.558.856.103
<i>Xí nghiệp xây dựng số 9</i>	42.080.782.770	39.227.823.220
<i>Xí nghiệp xây dựng số 1</i>	43.645.670.942	33.454.404.390
<i>Xí nghiệp xây dựng số 3</i>	17.759.105.878	20.528.653.537
<i>Xí nghiệp xây dựng số 4</i>	35.452.465.918	16.213.001.047
<i>Xí nghiệp xây dựng số 5</i>	31.601.955.443	27.842.002.437
<i>Xí nghiệp xây dựng số 7</i>	35.745.770.736	15.456.597.803

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	<i>Xí nghiệp xây dựng 18</i>	28.768.976.639	24.913.803.239
	<i>Xí nghiệp xây lắp 24</i>	62.753.599.327	45.813.690.434
	<i>Trung tâm Tư vấn thiết kế</i>	1.302.628.940	391.374.834
	Doanh thu nội bộ	(79.190.738.450) *	(28.742.002.532)
	Cộng	376.415.290.634	310.140.730.898
	Các khoản giảm trừ	1.382.476.685	1.258.484.972
	Chiết khấu thương mại	18.181.818	-
	Giảm giá hàng bán	1.364.294.867	1.258.484.972
	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp		
V.25	DOANH THU THUẦN	Năm nay VND	Năm trước VND
	Doanh thu bán hàng	375.032.813.949	308.882.245.926
	Doanh thu cung cấp dịch vụ		
	Cộng	375.032.813.949	308.882.245.926
V.26	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay VND	Năm trước VND
	Giá vốn của hàng đã bán	349.803.810.983	292.366.100.051
	Cộng	349.803.810.983	292.366.100.051
V.27	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay VND	Năm trước VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	447.516.737	50.069.300
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.969.955.280	2.334.353.642
	Cộng	3.417.472.017	2.384.422.942
V.28	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay VND	Năm trước VND
	Lãi tiền vay	2.920.805.106	3.851.464.352
	Chi phí tài chính khác	2.893.729.894	1.980.596.007
	Cộng	5.814.535.000	5.832.060.359
V.30	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm nay VND	Năm trước VND
	Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	610.409.327	-
	Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	235.725.256	



V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay
Cộng

846.134.583

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu



Ngô Tuyết Minh

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2008

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Hương

Giám đốc



Đỗ Phương Thịnh

